TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Hà;

Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phùng Thị Thanh N, sinh năm: 1989;
Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Lê Đình T, sinh năm: 1988;
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Phùng Thị Thanh N trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Lê Đình T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xảy ra tranh cãi; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành; hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Xuân P, sinh ngày: 06/8/2014, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Đình T đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phùng Thị Thanh N và bị đơn Lê Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành; nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Xuân P, sinh ngày: 06/8/2014 hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Cháu P còn nhỏ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn nuôi; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phùng Thị Thanh N được ly hôn với bị đơn Lê Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Lê Xuân P, sinh ngày: 06/8/2014 cho nguyên đơn Phùng Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Lê Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Phùng Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2015/0010742 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa